

QUYẾT ĐỊNH

V/v: ban hành Biểu giá dịch vụ cảng biển tại

Cảng Tổng hợp Hóa Sinh Vàm Cỏ Đồng Nai

- Căn cứ Bộ luật hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015;
- Căn cứ Luật giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023, có hiệu lực từ 01/7/2024;
- Căn cứ Thông tư 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/5/2024 về cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam, có hiệu lực từ 01/7/2024;
- Căn cứ các Quyết định về giá dịch vụ tại cảng biển của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (các Quyết định: số 809/QĐ-BGTVT ngày 01/7/2024, số 810/QĐ-BGTVT ngày 01/7/2024, số 811/QĐ-BGTVT ngày 01/7/2024 và số 814/QĐ-BGTVT ngày 01/7/2024), có hiệu lực từ 01/7/2024;
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty.

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VÀM CỎ

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Biểu giá dịch vụ tại Cảng Tổng hợp Hóa Sinh Vàm Cỏ Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng bao gồm: Tàu thuyền vận tải hàng hóa xuất, nhập khẩu, trung chuyển, quá cảnh tại khu vực hàng hải. Tàu thuyền nước ngoài vào hoạt động tại cảng biển Việt Nam.

Điều 3. Giá ban hành kèm theo Quyết định này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 16/09/2024 đến khi có biểu giá mới.

Nơi nhận:

- Cục Hàng Hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai;
- Các đại lý Hàng hải;
- Các chủ hàng;
- Lưu VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGÔ THANH TRÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VÀM CỎ
VAM CO PORT JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Tổ 32, ấp 1, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại: 0251.730.199

Địa chỉ mail: info@vamco-port.com

Website: vamco-port.com

BIỂU GIÁ DỊCH VỤ CẢNG BIỂN



NĂM 2024

BIỂU GIÁ DỊCH VỤ CẢNG BIỂN
CẢNG TỔNG HỢP HÓA SINH VÀM CỎ ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~4.1~~/QĐ-CVC ngày 16/09/2024 của Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Vàm Cỏ)

I. Thời gian làm việc:

1. Giờ làm việc theo giờ hành chính:

- Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ
- Buổi chiều từ 12 giờ đến 16 giờ

2. Giờ làm việc theo ca:

- Ca 1: từ 6 giờ đến 14 giờ
- Ca 2: từ 14 giờ đến 22 giờ
- Ca 3: từ 22 giờ đến 6 giờ

Nhân viên và công nhân làm nhiệm vụ xếp dỡ hàng hóa, làm hàng tàu (xuất nhập hàng hóa) liên tục các ngày trong năm, kể cả các ngày thứ bảy, chủ nhật và ngày Lễ, Tết.

II. ĐƠN VỊ TÍNH GIÁ DỊCH VỤ:

1. Đơn vị tính dung tích toàn phần:

Tổng dung tích – Gross Tonnage (GT) là dung tích toàn phần lớn nhất của tàu thuyền được ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định.

2. Những phương tiện thủy không ghi GT, được quy đổi tính tổng dung tích như sau:

- Tàu biển và phương tiện thủy :1,5 tấn trọng tải tính bằng 01 GT.
- Sà lan : 01 tấn trọng tải toàn phần tính bằng 01 GT.
- Tàu kéo, tàu đẩy : 01 mã lực (HP, CV) tính bằng 0,5 GT.

3. Quy đổi: phần lẻ dưới 0,5 GT không tính; từ 0,5 GT làm tròn 1 GT.

4. Đơn vị thời gian:

- Đối với đơn vị thời gian là ngày: 01 ngày tính là 24 giờ, phần lẻ của ngày từ 12 giờ trở xuống tính bằng $\frac{1}{2}$ ngày, trên 12 giờ tính bằng 01 ngày.
- Đối với đơn vị thời gian là giờ: 01 giờ tính bằng 60 phút, phần lẻ từ 30 phút trở xuống tính bằng $\frac{1}{2}$ giờ, trên 30 phút tính bằng 01 giờ.

5. Đơn vị tiền tệ tính giá dịch vụ:

- Đối với hoạt động hàng hải quốc tế: là đô la Mỹ (USD) hoặc đồng Việt Nam (VND).

- Đối với hoạt động hàng hải nội địa: là đồng Việt Nam (VND).
 - Trong trường hợp chuyển đổi từ đô la Mỹ sang đồng Việt Nam thì thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính hiện hành.
6. Đối với tàu thuyền chở hàng lỏng: dung tích toàn phần bằng 85% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định, không phân biệt tàu có hay không có két nước dẫn.

III. GIÁ DỊCH VỤ TÀU THUYỀN:

1. Giá cầu bến đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa:

STT	Loại dịch vụ	ĐVT	Mức thu	Ghi chú
1	Tàu thuyền neo buộc tại cầu (Phí cầu bến)	Đồng/GT/giờ	14	
2	Tàu thuyền nhận được lệnh rời cảng mà vẫn chiếm cầu, bến	Đồng/GT/giờ	15	
3	Tàu thuyền cập mạn với tàu thuyền khác ở cầu	Đồng/GT/giờ	7	

2. Giá cầu bến đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế:

STT	Loại dịch vụ	ĐVT	Mức thu	Ghi chú
1	Tàu thuyền neo buộc tại cầu (Phí cầu bến)	USD/GT/giờ	0.0031	
2	Tàu thuyền nhận được lệnh rời cảng mà vẫn chiếm cầu, bến	USD/GT/giờ	0.0060	
3	Tàu thuyền cập mạn với tàu thuyền khác ở cầu	USD/GT/giờ	0.0015	
4	Phí buộc và mở dây tàu (lượt)			
	Từ 2.000 GT trở xuống	USD/lượt	20	
	Từ 2.001 đến 5.000 GT	USD/lượt	30	
	Từ 5.001 đến 8.000 GT	USD/lượt	50	
	Từ 8.001 đến 10.000 GT	USD/lượt	70	
	Từ 10.001 GT trở lên	USD/lượt	100	

Cơ sở tính giá dịch vụ cầu bến:

- Tàu thuyền neo, buộc tại nhiều vị trí trong khu nước, vùng nước thuộc khu vực hàng hải của một cảng biển thì giá dịch vụ cầu bến được tính bằng tổng thời gian thực tế neo, buộc tại từng vị trí.
- Trường hợp tàu thuyền không làm hàng được do thời tiết với thời gian trên 01 ngày (24 giờ liên tục) hoặc phải nhường cầu cho tàu thuyền khác theo lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ hàng hải thì không tính giá dịch vụ cầu, bến trong thời gian không làm hàng.
- Tổng dung tích toàn phần (GT) là một trong các đơn vị làm cơ sở để tính giá dịch vụ cầu bến.

TỔNG GIÁM ĐỐC


NGÔ THANH TRÀ

